CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Than Cao Sơn - TKV

Ngày 31/12/2025	12,900 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-5.1%	**-7.2%**	**-**

DT thuần
Q4/25
1,871
tỷ VNĐ
QoQ: ▼116| -5.9%
YoY: ▼229| -10.9%

LN thuần
Q4/25
74.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 80.7| 1244%
YoY: ▲ 65.5| 750%

LN sau thuế
Q4/25
59.8
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 64.7| 1317%
YoY: ▲ 53.1| 793%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
1.6%
YoY: +/-▼ 0.4%

ROE
2025
7.9%
YoY: +/-▼ 4.1%

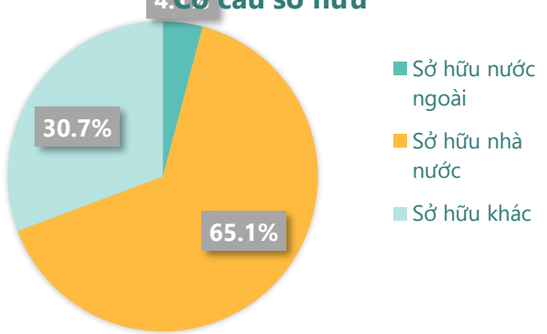
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	553
Số lượng CPLH (CP)	42,846,773
KLGD BQ 20 phiên (CP)	24,380
Sở hữu nước ngoài	4.1%
Beta	0.06
EPS	1,941
P/E	6.6

DT thuần
2025
8,539
tỷ VNĐ
YoY: ▼909| -9.6%

LN thuần
2025
103
tỷ VNĐ
YoY: ▼21.0| -16.8%

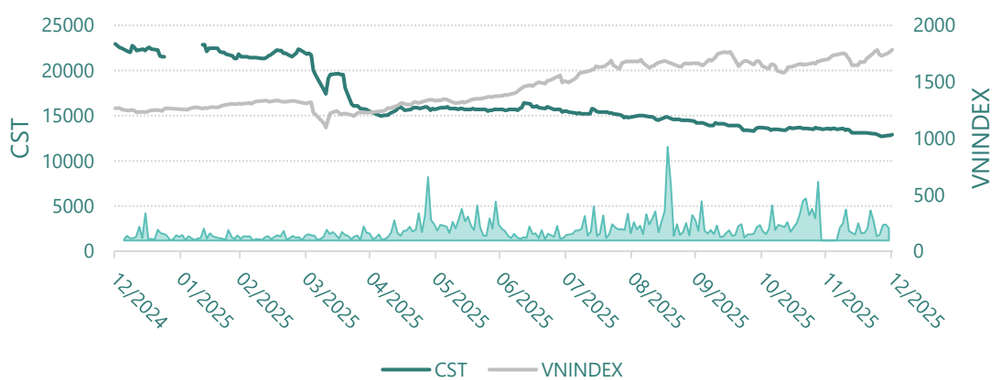
LN sau thuế
2025
83.1
tỷ VNĐ
YoY: ▼46.9| -36.1%

Cơ cấu sở hữu

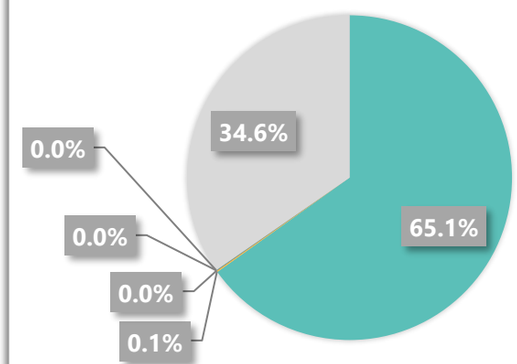


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

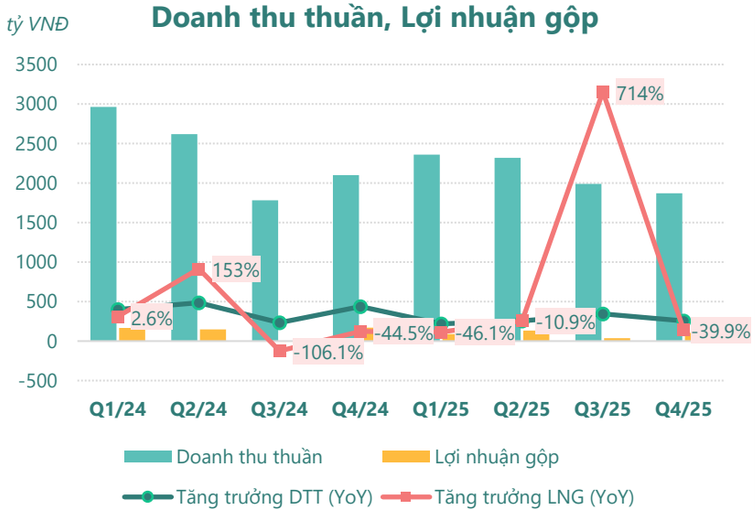


- Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam
- Đinh Văn Chiến
- Phạm Thị Hạnh
- Vũ Trọng Tuấn
- Phạm Phú Mỹ
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

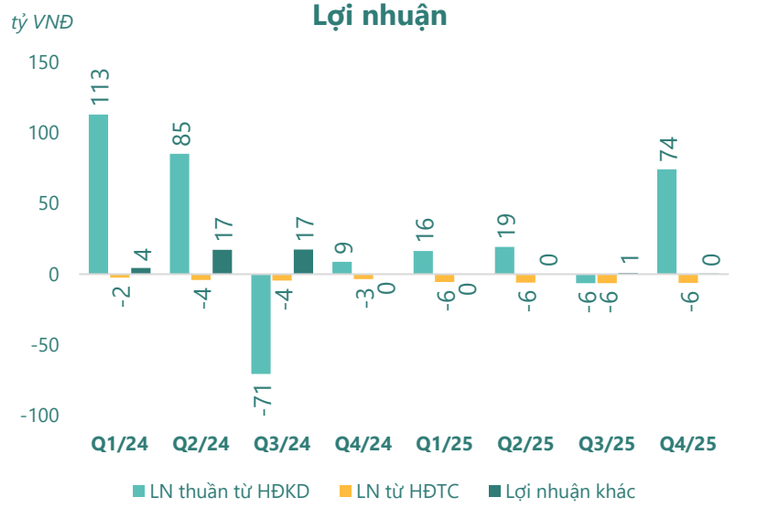
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



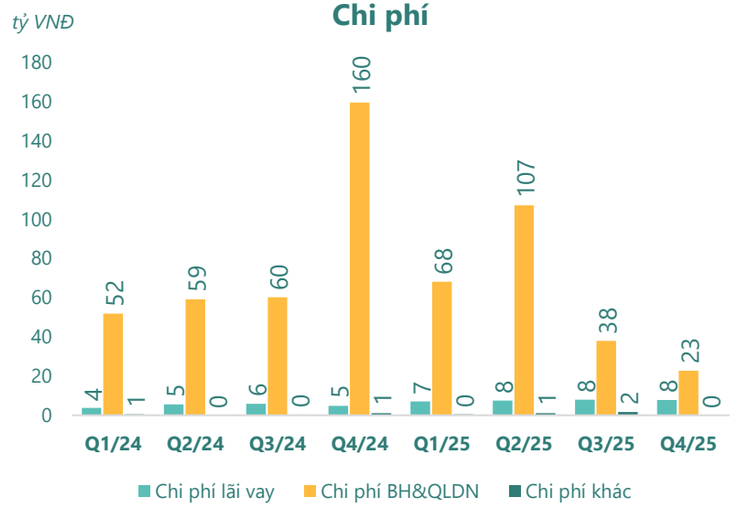
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



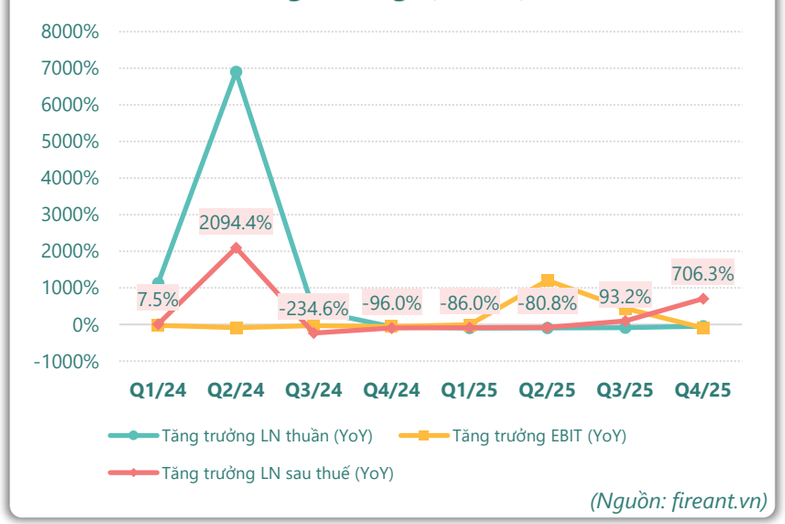
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



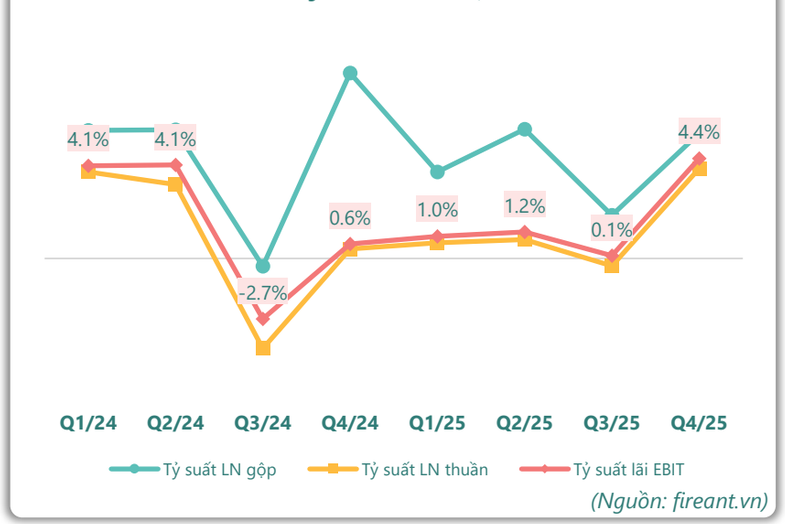
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



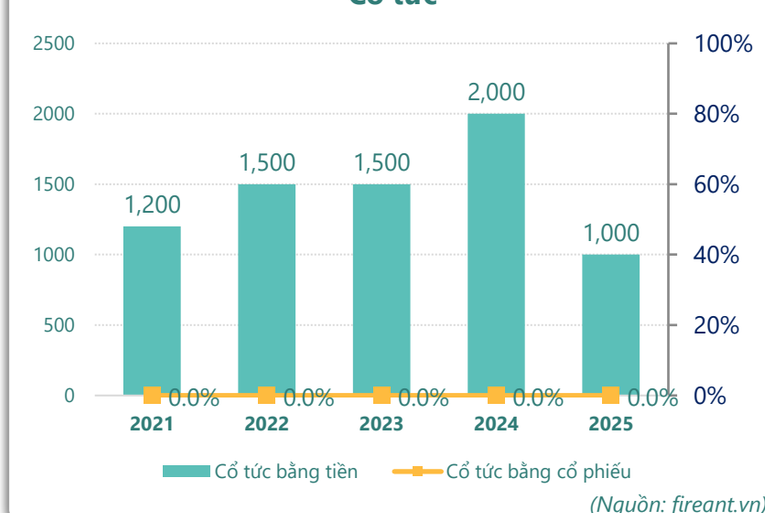
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



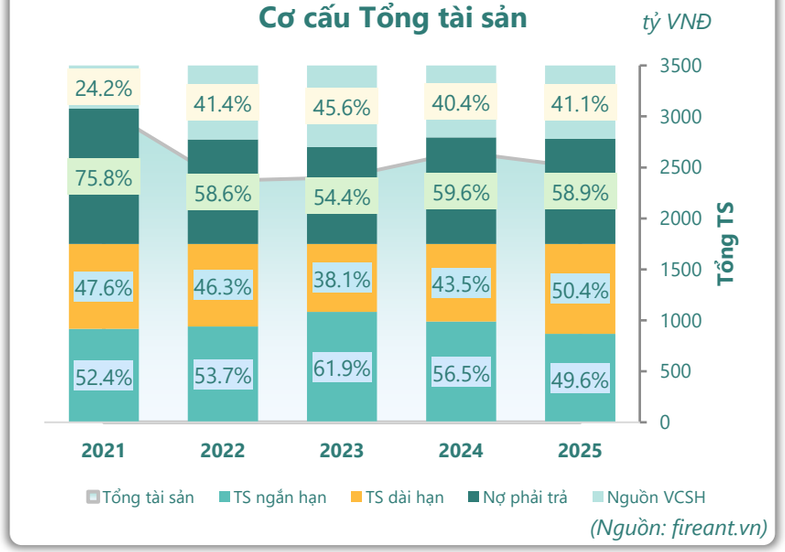
(Nguồn: fireant.vn)

Cổ tức

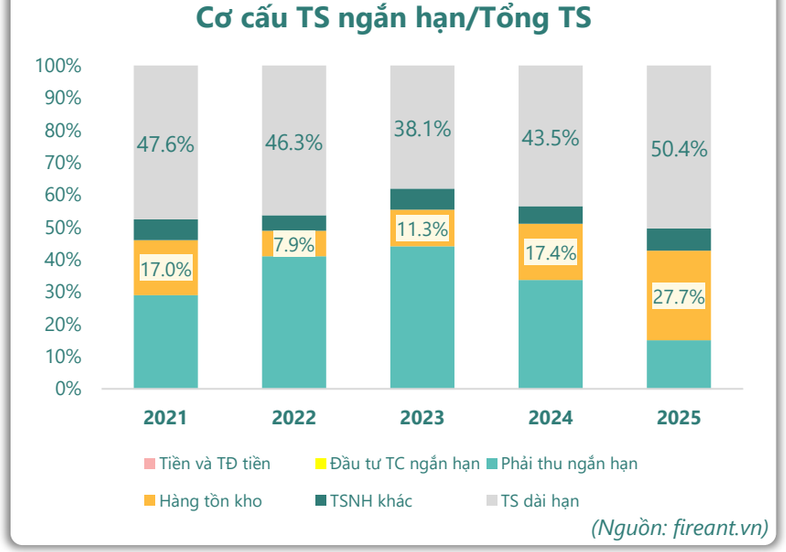


(Nguồn: fireant.vn)

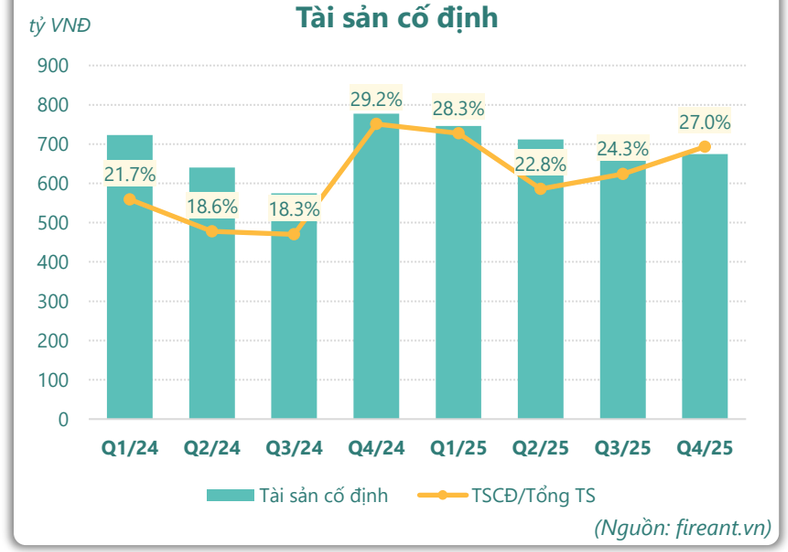
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN



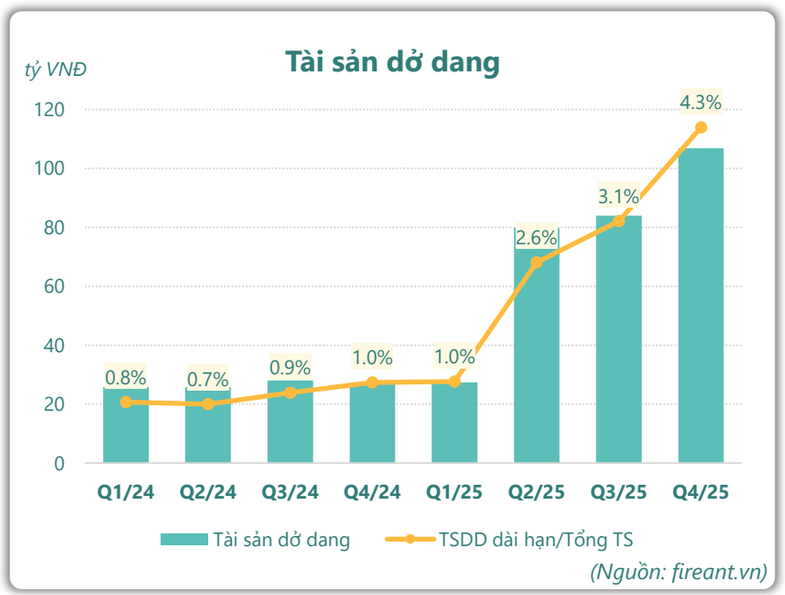
(Nguồn: fireant.vn)



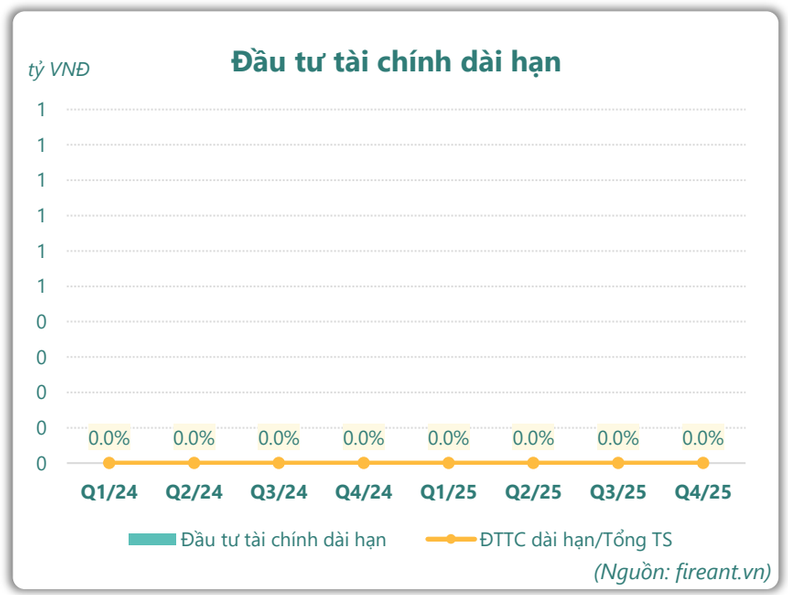
(Nguồn: fireant.vn)



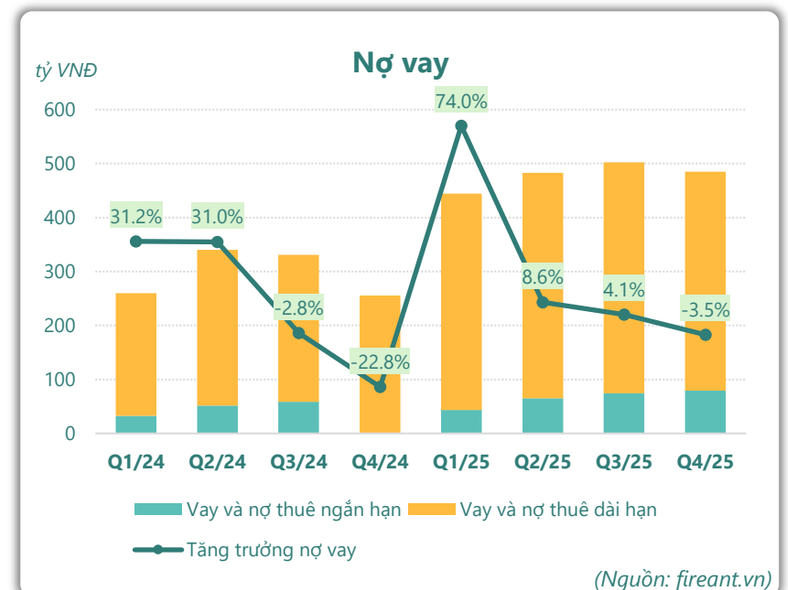
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)



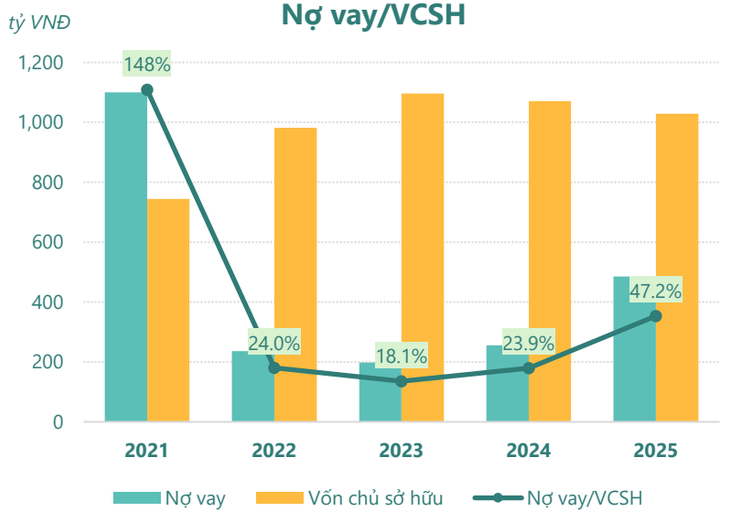
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)

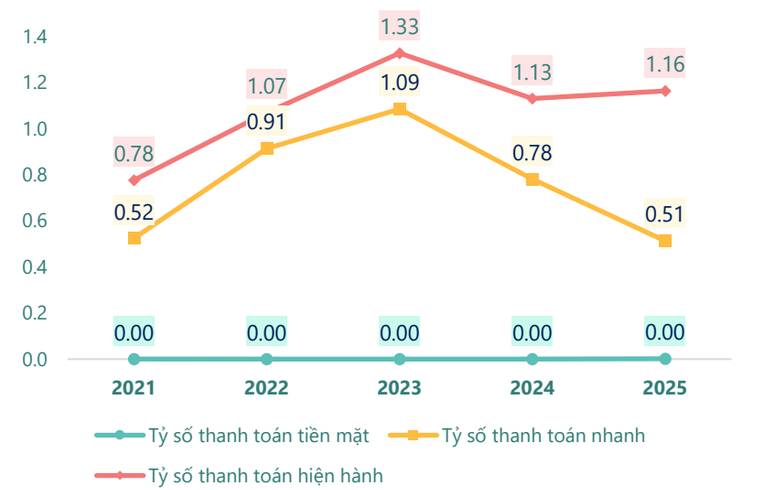
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



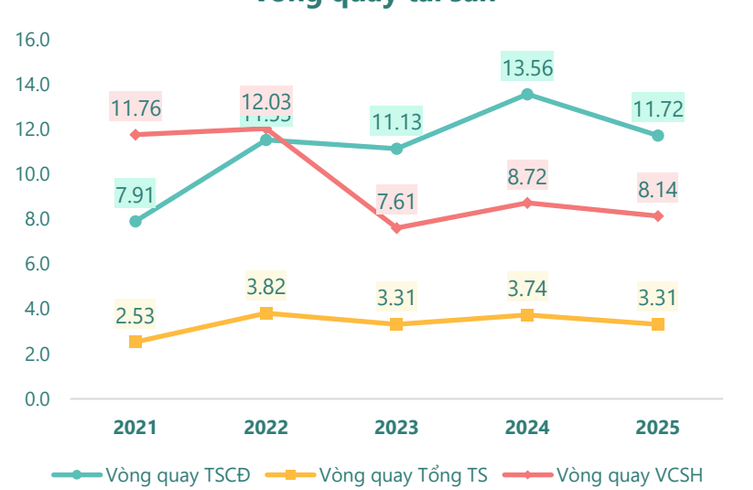
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



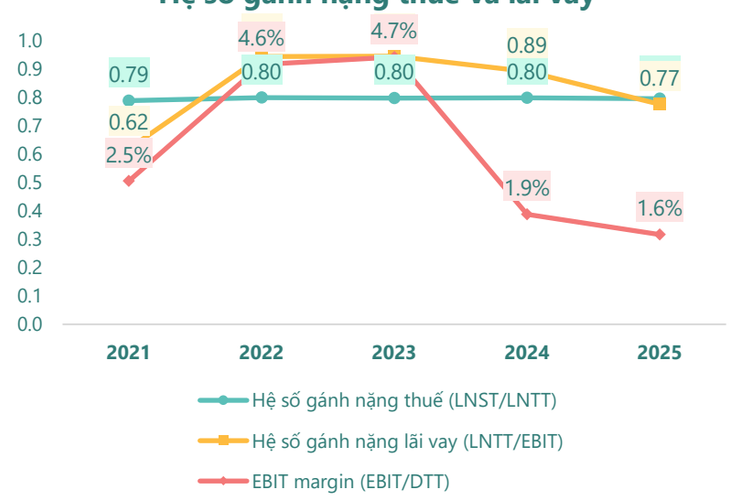
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



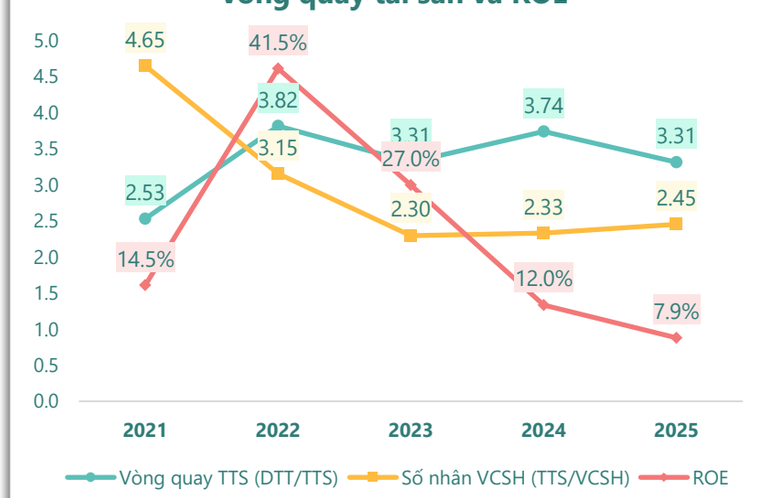
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



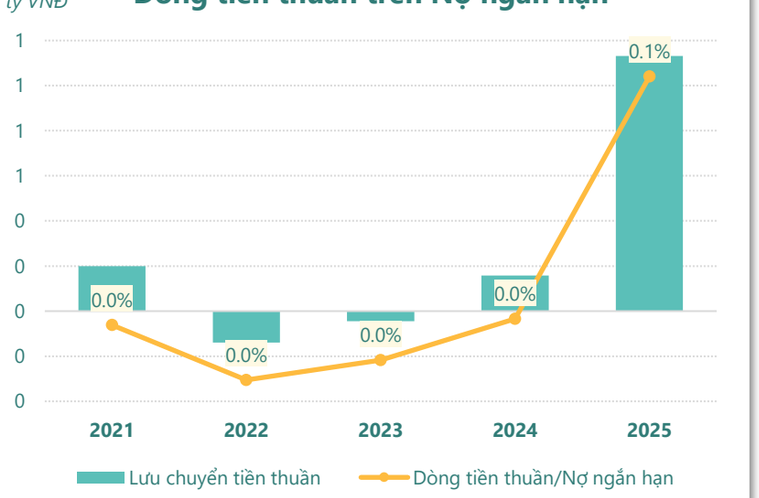
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**1,871**	**2,100**	**-10.9%**	**8,539**	**9,448**	**-9.6%**
Giá vốn hàng bán	1,767	1,928	-8.3%	8,175	8,979	-8.9%
Lợi nhuận gộp	103	172	-40.0%	364	469	-22.5%
Doanh thu HĐTC	1.56	1.43	9.1%	6.11	5.71	7.0%
Chi phí TC	7.78	4.85	60.4%	30.4	20.0	51.9%
Chi phí lãi vay	7.78	4.85	60.4%	30.4	20.0	51.9%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	1.20	1.69	-29.2%	4.05	5.72	-29.2%
Chi phí QLDN	**21.6**	**158**	**-86.3%**	**232**	**325**	**-28.7%**
LN thuần từ HĐKD	74.2	8.73	750%	103	124	-16.8%
Lợi nhuận khác	**0.45**	**-0.18**	**353%**	**1.22**	**38.8**	**-96.8%**
LN trước thuế	74.7	8.55	774%	105	163	-35.8%
Lợi nhuận sau thuế	**59.8**	**6.69**	**793%**	**83.1**	**130**	**-36.1%**
LNST của CĐ cty mẹ	**59.8**	**6.69**	**793%**	**83.1**	**130**	**-36.1%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	21.0	132	-167	250	30.1	58.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	18.4	-85.2	-21.2	-247	-49.9	-40.0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-10.8	-75.7	189	-3.65	19.5	-17.7
Tiền đầu kỳ	1.30	29.8	0.80	1.92	1.50	1.25
Lưu chuyển tiền thuần	**28.5**	**-29.0**	**1.12**	**-0.42**	**-0.26**	**0.68**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	29.8	0.80	1.92	1.50	1.25	1.93

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**2,501**	**2,651**	**-5.7%**
Tài sản ngắn hạn	1,241	1,499	-17.2%
Tiền và tương đương tiền	1.93	0.80	141%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	374	892	-58.1%
Hàng tồn kho	694	462	50.1%
Tài sản ngắn hạn khác	172	144	19.4%
Tài sản dài hạn	**1,260**	**1,153**	**9.3%**
Phải thu dài hạn	202	191	5.8%
Tài sản cố định	674	783	-13.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	107	27.3	291%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**277**	**151**	**83.1%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,473	1,581	-6.8%
Nợ ngắn hạn	**1,067**	**1,325**	**-19.5%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	79.2	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	565	899	-37.2%
Nợ dài hạn	406	255	58.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	406	255	58.9%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,029**	**1,071**	**-3.9%**
Vốn chủ sở hữu	**1,029**	**1,071**	**-3.9%**
Vốn điều lệ	428	428	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)